

Bản án số 90/2023/HNGĐ-ST

Ngày 11/08/2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị

T với anh X.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thụ

2. Ông Nguyễn Hữu Thái

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Lệ Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 08 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 93/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 03 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2023/QĐXX-ST ngày 02 tháng 06 năm 2023; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 93/TB-TA ngày 21 tháng 06 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 53/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 07 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993; có mặt

Địa chỉ: thôn S, xã Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

2. *Bị đơn:* anh Phạm Văn X, sinh năm 1988; vắng mặt

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn S, xã Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở hiện nay: số 101 đường B, phường M, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: năm 2020 được sự đồng ý của hai gia đình, chị và anh Phạm Văn X đã tổ chức đám cưới. Trước khi kết hôn, chị và anh X có được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Giao Châu, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định. Sau đám cưới chị nhà anh X làm dâu được khoảng thì chuyển về thôn S, xã Đ ở cùng với mẹ chị. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 06 năm 2022 thì nảy sinh mâu thuẫn trầm trọng. Chị và anh X thường xuyên xảy ra cãi nhau, xúc phạm nhau. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Anh X đã bỏ đi làm ăn xa từ tháng 06 năm 2022. Từ đó chị và anh X sống ly thân, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Nay

chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh X đã hết, không thể đoàn tụ gia đình được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn X.

Về con chung: chị và anh Phạm Văn X sinh được 01 con chung là Phạm Y, sinh ngày 28/07/2021, đang ở với chị, cháu vẫn ngoan, phát triển bình thường, thỉnh thoảng anh X có gọi điện về hỏi thăm con. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con. Chị không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con. Chị đang làm nhân viên bán điện thoại, T nhập từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng một tháng, chị đủ điều kiện để nuôi con trưởng thành.

Về X sản chung và nghĩa vụ chung đối với X sản: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Phạm Văn X trình bày về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, thời điểm vợ chồng sống ly thân như chị Nguyễn Thị T đã trình bày, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn, chị T xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: anh và chị Nguyễn Thị T sinh được 01 con chung như chị T trình bày. Ly hôn, anh đồng ý để chị T tiếp tục nuôi con.

Về X sản chung và nghĩa vụ chung đối với X sản: anh Phạm Văn X không trình bày ký kiến gì.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tiên hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ, bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn X; giao con chung cho chị T nuôi dưỡng; cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét. Về X sản chung và nghĩa vụ chung đối với X sản, không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào X liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa, anh Phạm Văn X vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Phạm Văn X trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Giao Châu, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Chị T và anh X sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế đã lâu, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn X đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phạm Văn X.

[3]. Về con chung: chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn X sinh được con chung là Phạm Y, sinh ngày 28/7/2021, đang ở với chị T. Ly hôn, chị Nguyễn Thị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con, anh X đồng ý, nên giao con cho chị T nuôi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Cấp dưỡng nuôi con, đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về X sản chung và nghĩa vụ chung đối với X sản: đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị T đã nộp theo biên lai T số: 0014417 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang ngày 07/03/2023.

[6]. Về quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Phạm Văn X.

2. *Về con chung:* giao cho chị Nguyễn Thị T nuôi con là Phạm Y, sinh ngày 28/07/2021. Anh Phạm Văn X có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh X thực hiện quyền này. Việc thăm nom con không được để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí:* chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị T đã nộp theo biên lai T số: 0014417 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang ngày 07/03/2023.

4. *Về kháng cáo:* Báo cho các đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Ủy ban nhân xã Giao Châu, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định;
- Lưu hồ sơ, v/p.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huân

